|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ 1** | **ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I**  **NĂM HỌC 2024-2025****MÔN: VẬT LÍ 10-CTST** |

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** (Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án).

**Câu 1.** Lĩnh vực nghiên cứu nào sau đây là của Vật lí?

 **A.** Nghiên cứu về sự phát triển, hình thành các tầng lớp, giai cấp trong xã hội.

 **B.** Nghiên cứu về các dạng chuyển động và các dạng năng lượng khác nhau.

 **C.** Nghiên cứu sự phát sinh và phát triển của vi khuẩn.

 **D.** Nghiên cứu về sự thay đổi của các chất khi kết hợp với nhau.

**Câu 2.** Biển báo đã cho như hình bên mang ý nghĩa là

 **A.** cẩn thận sét đánh. **B.** nơi nguy hiểm về điện.

 **C.** cảnh báo tia laser. **D.** lưu ý cẩn thận.

**Câu 3.** Cho ba vật chuyển động thẳng đều có vận tốc như sau: v1 = – 4 m/s; v2 = 36 km/h; v3 = 180 m/phút. Hãy sắp xếp các chuyển động đó theo thứ tự nhanh dần?

 **A.** v1, v2, v3. **B.** v2, v3, v1. **C.** v3, v1, v2. **D.** v3, v2, v1.

**Câu 4.** Trong công thức tính vận tốc của chuyển động thẳng chậm dần đều: thì

 **A.** a luôn luôn cùng dấu với v. **B.** a luôn ngược dấu với v.

 **C.** v luôn luôn dương. **D.** a luôn luôn dương.

**Câu 5.** Một người đi xe máy đi thẳng 6km theo hướng Đông, sau đó rẽ trái đi thẳng theo hướng Bắc 3km rồi quay sang hướng Tây đi 3km. Quãng đường đi được và độ lớn độ dịch chuyển của xe máy lần lượt là

 **A.** 9km và 4,24 km. **B.** 9km và 6km. **C.** 12km và 4,24 km. **D.** 12km và 6km.

**Câu 6.** Bi A có khối lượng lớn gấp 4 lần bi B. Tại cùng một lúc và ở cùng một độ cao, bi A được thả rơi tự do còn bi B được ném theo phương nằm ngang. Nếu coi sức cản của không khí là không đáng kể thì

 **A.** cả 2 bi đều rơi chạm đất cùng lúc với vận tốc giống nhau.

 **B.** cả 2 bi đều rơi chạm đất cùng lúc với vận tốc khác nhau.

 **C.** bi A rơi chạm đất sau bi B.

 **D.** bi A rơi chạm đất trước bi B.

**Câu 7.** Hình vẽ bên là đồ thị độ dịch chuyển − thời gian của một chiếc xe ô tô chạy từ A đến B trên một đường thẳng. Vận tốc của xe bằng



 **A.** 100 km/h. **B.** 150 km/h. **C.** 30 km/h. **D.** 120 km/h.

**Câu 8.** Trong bài thực hành, gia tốc rơi tự do được đo theo công thức  . Sai số tỉ đối của phép đo trên tính theo công thức nào?

 **A.**  . **B.** . **C.**  . **D.**  .

**Câu 9.** Trong chuyển động thẳng biến đổi đều, đại lượng không đổi theo thời gian là

 **A.** tọa độ. **B.** quãng đường. **C.** vận tốc. **D.** gia tốc.

**Câu 10.** Độ dốc của đồ thị vận tốc theo thời gian của chuyển động thẳng biến đổi đều cho chúng ta biết đại lượng nào sau đây?

 **A.** Độ dịch chuyển. **B.** Gia tốc. **C.** Quãng đường. **D.** Vận tốc.

**Câu 11.** Hai lực có độ lớn 8 N và 15 N. Độ lớn hợp lực của hai lực đó có thể là

 **A.** 23 N. **B.** 25 N. **C.** 5 N. **D.** 30 N.

**Câu 12.** Hình dưới là đồ thị độ dịch chuyển - thời gian của hai vật chuyển động thẳng cùng hướng. Tỉ lệ tốc độ vA : vB là

 **A.** . **B.** . **C.** 3: 1. **D.** 1: 3.

Câu 13. Một toa tàu có khối lượng 4 tấn chuyển động thẳng đều dưới tác dụng của lực kéo nằm ngang Fk = 6000 N. Lấy g = 10 m/s2. Hệ số ma sát giữa bánh xe của toa tàu và đường ray là

A. 1,5. B. 0,67. C. 6,7. D. 0,15.

Câu 14. Trong một tai nạn giao thông, một xe tải có khối lượng m1 va chạm vào một ô tô có khối lượng m2 < m1 đang chạy ngược chiều. Lực của ô tô tác dụng lên xe tải có độ lớn là F1. Lực của xe tải tác dụng lên ô tô có độ lớn là F2. Gia tốc của xe tải và ô tô sau va chạm có độ lớn lần lượt là a1 và a2. Chọn phương án đúng

A. F1> F2. B. F1 < F2. C. a1 > a2. D. a1 < a2.

**Câu 15.** Vật nào sau đây chuyển động theo quán tính?

 **A.** Vật chuyển động thẳng đều. **B.** Vật chuyển động tròn đều.

 **C.** Vật chuyển động trên quỹ đạo thẳng. **D.** Vật chuyển động rơi tự do.

**Câu 16.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng khi nói về lực ma sát trượt?

 **A.** Lực ma sát trượt tỷ lệ với áp lực N của vật lên bề mặt tiếp xúc.

 **B.** Lực ma sát trượt xuất hiện để cản trở chuyển động trượt của vật.

 **C.** Lực ma sát trượt ngược hướng với hướng chuyển động của vật trượt.

 **D.** Lực ma sát trượt phụ thuộc vào diện tích tiếp xúc.

**Câu 17.** Một người làm động tác “hít đất”: nằm sấp, chống tay xuống sàn để nâng người lên thì

 **A.** người đó không tác dụng lực lên sàn. **B.** sàn tác dụng lên người đó một lực hướng lên.

 **C.** sàn không tác dụng lực lên người đó. **D.** người đó tác dụng lên sàn một lực hướng lên.

**Câu 18.** Một xe máy đang đứng yên, sau đó khởi động và bắt đầu tăng tốc. Nếu chọn chiều dương là cùng chiều chuyển động của xe, nhận xét nào sau đây là đúng?

 **A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** (Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai).

Câu 1. Một xe đạp chuyển động có đồ thị vận tốc – thời gian như hình vẽ bên:

a) Vận tốc ban đầu của xe là v0 = 3m/s.

b) Xe chuyển động chậm dần đều và dừng lại tại thời điểm t = 30s.

c) Gia tốc của xe là 0,1 m/s2.

d) Quãng đường xe đi được từ thời điểm ban đầu đến khi dừng lại là 135m.

**Câu 2.** Các **c**huyển động dưới đây được coi là chuyển động rơi tự do:

a) Một chiếc lá rụng đang rơi từ trên cây xuống đất.

b) Một cái lông chim rơi trong ống thuỷ tinh đặt thẳng đứng và đã được hút chân không.

c) Một viên đá nhỏ được thả rơi từ trên cao xuống mặt đất.

d) Một vận động viên nhảy dù.

**Câu 3.** Quả cầu I có khối lượng gấp đôi quả cầu II. Cùng một lúc tại độ cao h, quả cầu I được thả rơi còn quả cầu II được ném theo phương ngang. Bỏ qua sức cản không khí.

a) Cả hai quả cầu I và II chạm đất cùng một lúc.

b) Cả hai quả cầu đều là chuyển động rơi tự do vì chỉ chịu tác dụng của trọng lực.

c) Quả cầu I có gia tốc lớn gấp đôi quả cầu II.

d) Quĩ đạo chuyển động của quả cầu I là đường thẳng đứng, của quả cầu II là 1 nhánh parabol.

**Câu 4.** Một quyển sách đặt nằm yên trên bàn có các lực tác dụng lên như hình vẽ:

a) Lực hấp dẫn giữa cuốn sách và Trái Đất  và  là cặp lực – phản lực, lực ép  và  giữa cuốn sách và mặt bàn là cặp lực – phản lực.

b) Cặp lực  và  không phải là cặp lực – phản lực vì chúng chúng cùng đặt vào một vật (quyển sách).

c) Quyển sách nằm yên vì có 2 lực là  và cân bằng nhau nên triệt tiêu lẫn nhau.

d) Lực hấp dẫn giữa cuốn sách và Trái Đất  và  là hai lực cân bằng vì chúng cùng độ lớn và ngược chiều.

**PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.** (Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6).

**Câu 1.** Phép đo độ dài đường đi cho giá trị trung bình  = 1,25 m. Sai số tuyệt đối của phép đo tính được là Δs = 0,02 m. Sai số tỉ đối của phép đo bằng bao nhiêu phần trăm?

**Câu 2.** Biển báo lưu ý cẩn thận (nói chung) là biển báo số mấy?

SỐ 1.  SỐ 2.  SỐ 3.  SỐ 4. 

**Câu 3.** Cho hai lực cùng phương, ngược chiều có độ lớn lần lượt là 6N và 8N. Hợp lực của chúng có độ lớn là bao nhiêu Niutown?

**Câu 4.** Sủ dụng định luật mấy Niutown để giải thích các hiện tượng sau?

- Xe đang chạy mà hãm phanh đột ngột thì hành khách bị ngã chúi về phía trước.

- Một đứa bé bị ngã khi vấp phải hòn đá.

- Người trong xe ô tô bị ngã về bên phải khi xe rẽ trái.



**Câu 5.** Một bóng đèn có khối lượng 150g được treo vào một sợi dây không dãn như hình vẽ. Lực căng của dây khi đèn cân bằng có độ lớn là bao nhiêu Niutown?

**Câu 6.** Đồ thị vận tốc – thời gian của một vật chuyển động như hình bên. Tính tỉ số gia tốc của vật trong hai giai đoạn chuyển động.

****

**ĐÁP ÁN**

**PHẦN I.** **CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN (4,5 điểm)**

*Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.*

*(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** |
| **1** | B | 10 | B |
| **2** | B | 11 | A |
| **3** | C | 12 | D |
| **4** | B | 13 | D |
| **5** | C | 14 | D |
| **6** | B | 15 | A |
| **7** | C | 16 | D |
| **8** | A | 17 | B |
| **9** | D | 18 | C |

***Hướng dẫn chi tiết các câu cần suy luận :***

**Câu 3.** Không quan tâm đến dấu

V1 = 4m/s ,V2 = 36 km/h = 10 m/s, V3 = 180 m/phút = 3 m/s. Vậy thứ tự tăng dần v3, v1, v2. Chọn **C**

**Câu 5. Hướng dẫn giải**: **chọn C**

- Quãng đường đi được: S=6+3+3=12 km.

- Độ dịch chuyển: d=AD=

****

**Câu 6. Hướng dẫn giải: chọn B**

- Thời gian chuyển động ném ngang bằng thời gian rơi từ cùng một độ cao 

- Vận tốc chạm đất của vật rơi tự do: ; vận tốc chạm đất của vật cđ ném ngang 

→vận tốc chạm đất của hai vật khác nhau.

**Câu 7. Hướng dẫn giải: chọn C**

****

**Câu 10.** Đồ thị vận tốc – thời gian có độ đốc càng lớn vật thay đổi vận tốc càng nhiều 🡪 Vật có gia tốc lớn

**Câu 11. *Hướng dẫn:***

Hợp lực nằm trong khoảng giá trị : F1- F2 ≤ F ≤ F1+ F2 ***Chọn đáp án : A.***

**Câu 12. *Hướng dẫn:***

vA : vB = tan300: tan 600 = 1:3 ; ***Chọn đáp án : D.***

Câu 13. Hướng dẫn giải

Khi toa tàu chuyển động thẳng đều thì Fms = Fk = 6000 N.

 Hệ số ma sát giữa bánh xe của toa tàu và đường ray là: 

 Chọn D.

Câu 14. Hướng dẫn giải

Theo định luật III Newton: F1 = F2.

Mà m1 > m2.

Theo định luật II Newton, độ lớn gia tốc của vật tỉ lệ nghịch với khối lượng của vật => a1 < a2

 Chọn D.

**Câu 17. Hướng dẫn giải: chọn B**

Theo định luật III Newton, khi người đó tác dụng lên sàn 1 lực hướng xuống thì sàn tác dụng lên người đó lực hướng lên.

**Câu 18. Hướng dẫn giải: chọn C**

Xe chuyển động theo chiều dương nên v>0, xe cđ nhanh dần nên a cùng dấu v.

**PHẦN II.** **CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI (4 điểm)**

*Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.*

*Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1 điểm.*

*- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được điểm.*

*- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được điểm.*

*- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được điểm.*

*- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm.*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Lệnh hỏi** | **Đáp án (Đ/S)** | **Câu** | **Lệnh hỏi** | **Đáp án (Đ/S)** |
| **1** | a) | Đ | **3** | a) | Đ |
| b) | Đ | b) | S |
| c) | S | c) | S |
| d) | S | d) | Đ |
| **2** | a) | S | **4** | a) | Đ |
| b) | Đ | b) | Đ |
| c) | Đ | c) | S |
| d) | S | d) | S |

***Hướng dẫn chi tiết các câu cần suy luận :***

**PHẦN III.** **CÂU TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN (1,5 điểm)**

*Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6*

*Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** |
| **1** | 1,60 | 4 | 1 |
| **2** | 4 | 5 | 1,5 |
| **3** | 2 | 6 | -1 |

***Hướng dẫn chi tiết:***

**Câu 1.** Sai số tỉ đối của phép đo bằng: .100=1,60 .

**Câu 2.** Biển báo số 1 có nội dung bình khí nén áp suất cao, biển báo số 2 có nội dung từ trường, biển báo số 3 có nội dung lối thoát hiểm, biển báo số 4 có nội dung lưu ý cẩn thận.

**Câu 3.** Hợp lực .

**Câu 5.** Khi đèn cân bằng thì .

**Câu 6.** Giải

Ta có

Suy ra

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ 2** | **ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I**  **NĂM HỌC 2024-2025****MÔN: VẬT LÍ 10-CTST** |

**PHẦN I: Trắc nghiệm nhiều lựa chọn**

**Câu 1:** Đối tượng nghiên cứu của vật lý là gì?

 **A.** Các dạng vận động và tương tác của vật chất.

 **B.** Quy luật tương tác của các dạng năng lượng.

 **C.** Các dạng vận động của vật chất và năng lượng.

 **D.** Quy luật vận động, phát triển của sự vật hiện tượng.

**Câu 2:** Trong các hoạt động dưới đây, những hoạt động nào tuân thủ nguyên tắc an toàn khi sử dụng điện?

 **A.** Bọc kĩ các dây dẫn điện bằng vật liệu cách điện.

 **B.** Sửa chữa điện khi chưa ngắt nguồn điện.

 **C.** Chạm tay trực tiếp vào ổ điện, dây điện trần hoặc dây dẫn điện bị hở.

 **D.** Đến gần nhưng không tiếp xúc với các máy biến thế và lưới điện cao áp.

**Câu 3:** Hình dưới mô tả đồ thị độ dịch chuyển – thời gian của một chiếc xe ô tô chạy trên đường thẳng. Vận tốc của xe bằng

 **A.** –90 km/h. **B.** 45 km/h.

 **C.** 90 km/h. **D.** –45 km/h.

**Câu 4:** Gọivéc tơ vận tốc tuyệt đối là véc tơ vận tốc tương đối là  véc tơ vận tốc kéo theo là  Công thức cộng vận tốc được viết

 **A.** . **B.** . **C.** . **D.** 

**Câu 5:** Một vật được ném ngang từ độ cao h với vận tốc  tại nơi có gia tốc trọng trường g. Bỏ qua sức cản của không khí. Tầm bay xa của vật là

 **A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 6:** Hành khách ngồi trên xe ô tô đang chuyển động, xe bất ngờ rẽ sang phải. Theo quán tính, hành khách sẽ

 **A.** nghiêng sang phải. **B.** nghiêng sang trái.

 **C.** ngả người về phía sau. **D.** chúi người về phía trước.

**Câu 7:** Phát biểu nào sau đậy sai khi nói về khái niệm về lực?

 **A.** Lực là sự kéo hoặc đẩy.

 **B.** Lực có các tác dụng: làm biến dạng vật hoặc làm thay đổi vận tốc của vật.

 **C.** Lực chỉ có tác dụng làm biến dạng vật.

 **D.** Lực luôn do một vật tạo ra và tác dụng lên vật khác, có hai loại lực: lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc.

**Câu 8:** Nếu một vật đang chuyển động mà tất cả các lực tác dụng vào nó bỗng nhiên ngừng tác dụng thì

 **A.** Vật lập tức dừng lại.

 **B.** Vật chuyển động chậm dần rồi dừng lại.

 **C.** Vật chuyển động chậm dần trong một thời gian, sau đó sẽ chuyển động thẳng đều.

 **D.** Vật chuyển động thẳng đều.

**Câu 9:** Trọng lực là:

 **A.** Lực hút Trái Đất tác dụng lên vật

 **B.** Lực hấp dẫn giữa Mặt Trăng và vật

 **C.** Lực đẩy Trái Đất tác dụng lên vật

 **D.** Lực hấp dẫn giữa Mặt Trời và vật

**Câu 10:** Điều nào sau đây là **sai** khi nói về trọng lực?

 **A.** Trọng lực được xác định bởi biểu thức 

 **B.** Điểm đặt của trọng lực là trọng tâm của vật.

 **C.** Trọng lực tỉ lệ nghịch với khối lượng của vật.

 **D.** Trọng lực là lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật.

**Câu 11:** Chọn phát biểu **sai**. Khi vật A tác dụng lên vật B một lực thì vật B cũng tác dụng trở lại vật A một lực, hai lực này

 **A.** có điểm đặt lên hai vật khác nhau. **B.** có cùng giá.

 **C.** có cùng độ lớn. **D.** cùng chiều.

**Câu 12:** Đẩy một xe chở hàng cho nó chuyển động khi giữ nguyên khối lượng của xe thu được bảng số liệu sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Lực đẩy (N) | 0,5 | 1,0 | 1,5 |
| Gia tốc (m/s2) | 1,0 | 2,0 | 3,0 |

Kết luận nào sau đây đúng từ kết quả thí nghiệm trên?

 **A.** Lực đẩy tăng, gia tốc tăng nhưng không tỉ lệ thuận.

 **B.** Lực đẩy tăng, gia tốc tăng và tỉ lệ thuận.

 **C.** Lực đẩy giảm, gia tốc giảm không tỉ lệ thuận.

 **D.** Không thể kết luận được mối quan hệ gia tốc và lực.

**Câu 13:** Hướng của gia tốc

 **A.** luôncùng hướng với lực tác dụng lên vật.

 **B.** ngược hướng với lực tác dụng lên vật.

 **C.** có thể cùng hướng hoặc ngược hướng với lực tác dụng lên vật.

 **D.** có thể cùng hướng với lực tác dụng lên vật.

**Câu 14:** Đại lượng nào sau đây đặc trưng cho mức quán tính của một vật?

 **A.** vận tốc. **B.** khối lượng. **C.** lực tác dụng. **D.** gia tốc.

**Câu 15:** Một vật có khối lượng 50 kg đặt nằm yên trên mặt sàn nằm ngang, cho g = 10 m/s2. Phản lực do sàn tác dụng lên vật có độ lớn là

 **A.** 500 N **B.** 50 N **C.** 5 N **D.** 0

**Câu 16:** Lực  truyền cho vật khối lượng m1 gia tốc 2 m/s², truyền cho vật khối lượng m2 gia tốc 6 m/s². Lực sẽ truyền cho vật khối lượng m = m1 + m2 với gia tốc là

 **A.** 1,5 m/s². **B.** 2 m/s². **C.** 4 m/s². **D.** 8 m/s².

**Câu 17:** Một vật đang lơ lửng ở trong nước chịu tác dụng của

 **A.** lực đẩy Archimedes và lực cản của nước. **B.** lực đẩy Archimedes và lực ma sát.

 **C.** trọng lực và lực cản của nước. **D.** trọng lực và lực đẩy Archimedes.

**Câu 18:** Gọi  là lực do vật A tác dụng lên vật B và  là lực do vật B tác dụng trở lại vật A. Biểu thức định định luật III Newton là

 **A.** = **B.** = -  **C.** -  = **D.** +  =

**PHẦN II. Trắc nghiệm đúng sai**

**Câu 1:** Hai người đi xe đạp từ A đến C, người thứ nhất đi theo đường từ A đến B, rồi từ B đến C; người thứ hai đi thẳng từ A đến C (Hình vẽ). Cả hai đều về đích cùng một lúc.

**a)** Người thứ nhất đi được quãng đường 8 km.

**b )**Độ dịch chuyển của người thứ nhất và người thứ hai bằng nhau.

**c)** Độ dịch chuyển và quãng đường đi được của người thứ nhất bằng nhau.

**d)** Độ dịch chuyển của người thứ nhất là 5,7 km, hướng 450 Đông – Bắc.

**Đ – Đ – S – Đ**

**Câu 2:** Một xe bán tải khối lượng 2,5 tấn đang di chuyển trên cao tốc với tốc độ 90 km/h. Các xe cần giữ khoảng cách an toàn so với xe phía trước 70m. Khi xe đi trước có sự cố và dừng lại đột ngột. Để có thể dừng lại an toàn thì:

**a)** Quãng đường tối đa xe phía sau đi được từ lúc hãm phanh đến lúc dừng là 80m.

**b)** Gia tốc của xe là – 4,46 m/s2.

**c)** Thời gian từ lúc hãm phanh đến lúc dừng lại là 5,6s.

**d)** Lực cản tối thiểu là 11500 N.

**S – Đ – Đ – Đ**

**PHẦN III: Tự luận**

**Bài 1:** Một vật có khối lượng 0,5 kg đặt trên mặt bàn nằm ngang được kéo bằng lực 2 N theo phương ngang. Bỏ qua ma sát giữa vật và mặt bàn. Lấy g = 10 m/s2.

 a. Tính gia tốc của vật.

 b. Sau khi đi được 2 s, vận tốc và quãng đường của vật khi đó là bao nhiêu?

**Bài 2:** Một ngọn đèn có khối lượng m = 600 g được treo dưới trần nhà bằng một sợi dây. Lấy g = 9,8 m/s2.

 a. Xác định trọng lượng của ngọn đèn.

 b. Biết dây chỉ chịu lực căng lớn nhất là 6 N. Nếu treo ngọn đèn này vào một đầu dây thì dây có bị đứt không? Tại sao?

**ĐÁP ÁN**

**PHẦN III. Tự luận**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Bài 1** | a. a = F/m = 4 m/s2b. v = at = 8 m/s;  = 16 m | **0,5đ****0,75đ****0,75đ** |
| **Bài 2** | 1. P = mg = 0,6.9,8 = 5,88 N
2. Dây không bị đứt do T = P = 5,88 N < Tmax
 | **0,5đ****0,5đ** |